

0.a. Goal

Mục tiêu chung 1: Chấm dứt mọi hình thức nghèo ở mọi nơi

0.b. Target

Mục tiêu 1.2: Triển khai trên toàn quốc các hệ thống và các biện pháp an sinh xã hội thích hợp cho mọi người, bao gồm cả các chính sách an sinh xã hội và đến năm 2030 đạt được diện bao phủ đáng kể cho người nghèo và những người dễ bị tổn thương (Mục tiêu 1.3 toàn cầu)

0.c. Indicator

Chỉ tiêu 1.2.3. Số người được hỗ trợ xã hội hàng tháng tại cộng đồng

0.e. Metadata update

Tháng 6/2021.

1.a. Organisation

Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội.

1.f. Contact mail

12 Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội

1.g. Contact email

banbientap@molisa.gov.vn

2.a. Definition and concepts

Đối tượng hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng gồm:

(1) Trẻ em dưới 16 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng thuộc một trong các trường hợp quy định sau đây:

- a) Bị bỏ rơi chưa có người nhận làm con nuôi;
- b) Mồ côi cả cha và mẹ;
- c) Mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại mất tích theo quy định của pháp luật;
- d) Mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội;

- đ) Mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc;
- e) Cả cha và mẹ mất tích theo quy định của pháp luật;
- f) Cả cha và mẹ đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội;
- g) Cả cha và mẹ đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc;
- h) Cha hoặc mẹ mất tích theo quy định của pháp luật và người còn lại đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội;
- i) Cha hoặc mẹ mất tích theo quy định của pháp luật và người còn lại đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc;
- k) Cha hoặc mẹ đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội và người còn lại đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc.
- (2) Người từ 16 tuổi đến 22 tuổi thuộc một trong các trường hợp quy định tại mục (1) mà đang học phổ thông, học nghề, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học văn bằng thứ nhất.
- (3) Trẻ em bị nhiễm HIV thuộc hộ nghèo; người bị nhiễm HIV thuộc hộ nghèo không còn khả năng lao động mà không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng, trợ cấp ưu đãi người có công hàng tháng, trợ cấp hàng tháng khác.
- (4) Người thuộc hộ nghèo không có chồng hoặc không có vợ; có chồng hoặc vợ đã chết; có chồng hoặc vợ mất tích theo quy định của pháp luật và đang nuôi con dưới 16 tuổi hoặc đang nuôi con từ 16 tuổi đến 22 tuổi nhưng người con đó đang học phổ thông, học nghề, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học văn bằng thứ nhất.
- (5) Người cao tuổi thuộc một trong các trường hợp sau đây:
- a) Người cao tuổi thuộc hộ nghèo không có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng hoặc có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng nhưng người này đang hưởng chế độ trợ cấp xã hội hàng tháng;
- b) Người từ đủ 80 tuổi trở lên không thuộc diện quy định tại mục a mà không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng, trợ cấp xã hội hàng tháng;
- c) Người cao tuổi thuộc hộ nghèo không có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng, không có điều kiện sống ở cộng đồng, đủ điều kiện tiếp nhận vào cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội nhưng có người nhận chăm sóc tại cộng đồng.
- (6) Trẻ em khuyết tật, người khuyết tật thuộc diện hưởng trợ cấp xã hội theo quy định của pháp luật về người khuyết tật.

2.b. Unit of measure

Người

2.c. Classifications

Bảng danh mục các đơn vị hành chính Việt Nam 2010 ban hành kèm theo Quyết định số 124/2004/QĐ-TTg ngày 08/7/2004 của Thủ tướng Chính phủ và những thay đổi được Tổng cục Thống kê cập nhật đến thời điểm 31/12/2019.

3.a. Data sources

Chế độ báo cáo thống kê do Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội ban hành.

3.b. Data collection method

Bộ Lao động Thương binh và Xã hội ban hành biểu mẫu báo cáo gửi Sở Lao động, Thương binh và Xã hội các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện theo định kỳ hàng năm. Một đơn vị thuộc Bộ Lao động Thương binh và Xã hội được giao nhiệm vụ tổng hợp số liệu từ các Sở gửi về để tính chỉ tiêu.

3.c. Data collection calendar

Năm

4.a. Rationale

Chỉ tiêu phản ánh số người được hỗ trợ xã hội hàng tháng trong phạm vi cả nước trong năm, trên cơ sở đó cung cấp thông tin phục vụ cho công tác quản lý và hoạch định chính sách hỗ trợ xã hội tốt hơn, góp phần cải thiện đời sống cho các đối tượng được hỗ trợ.

5. Data availability and disaggregation

Chỉ có số liệu của năm 2019 cho một số nhóm đối tượng là Người cao tuổi; người khuyết tật và trẻ em.

Chưa có số liệu đầy đủ cho từng phân tổ.

(Nguồn công bố: Báo cáo quốc gia SDG 2020. Số liệu từ Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội).

6. Comparability/deviation from international standards

Tương tự chỉ tiêu VSDGI 1.2.1, chỉ tiêu này phản ánh 1 phần của chỉ tiêu SDG toàn cầu “1.3.1. Proportion of population covered by social protection floors/systems, by sex, distinguishing children, unemployed persons, older persons, persons with disabilities, pregnant women, newborns, work-injury victims and the poor and the vulnerable” của quốc tế.

Do đặc thù Việt Nam không có khái niệm rõ ràng về thuật ngữ “bảo trợ xã hội”. Bảo trợ xã hội gần với khái niệm trợ giúp xã hội, là một trong ba trụ cột cơ bản của hệ thống an sinh. Với mục

đích khắc phục rủi ro, trợ giúp xã hội cùng với bảo hiểm xã hội có chức năng giảm thiểu rủi ro, và chính sách thị trường lao động chủ động nhằm phòng ngừa rủi ro cho người dân. Vì vậy, để thay thế cho chỉ tiêu 1.3.1 toàn cầu, Việt Nam sử dụng chỉ tiêu này cùng một số chỉ tiêu liên quan của Việt Nam như:

1.2.1. Số người đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp

1.2.2. Số người được hưởng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp

1.2.4. Số người được hỗ trợ xã hội đột xuất

1.2.5. Số người được nuôi dưỡng tập trung trong cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội

7. References and Documentation

- Thông tư số 03/2019/TT-BKHĐT ngày 22/01/2019 quy định Bộ chỉ tiêu thống kê phát triển bền vững của Việt Nam;

- <https://unstats.un.org/sdgs/metadata/>